|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI  **TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-NADLTT ngày / / của Hiệu trưởng Trường TCN Nấu ăn-NVDL và Thời trang Hà Nội)*

**Tên nghề đào tạo: ………… bậc: ……**

**Trình độ đào tạo:** Sơ cấp

**Đối tượng tuyển sinh:** Người đủ 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Chứng chỉ sơ cấp

**1. Mục tiêu đào tạo:**

1.1. Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm

* Kiến thức:

+ …… ;

+ …… ;

* Kỹ năng:

+

+

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm :

+

+

1.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo sơ cấp nghề …….., người học có thể ………

Ngoài ra người học có thể học tiếp nâng cao trình độ lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

* Số lượng môn học, mô đun: ……
* Thời gian toàn khóa: 3 tháng
* Thời gian thực học : ……. giờ
* Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học, mô - đun: …… giờ
* Thời gian lý thuyết: ……giờ
* Thời gian thực hành: …… giờ

**3. Danh mục số lượng, thời lượng các môn học, mô - đun:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH,**  **MĐ** | **Tên môn học, mô - đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Kiểm tra** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |

*(Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo)*

**4. Phương pháp và thang điểm đánh giá**

Đánh giá kết quả học tập trong đào tạo trình độ sơ cấp được thực hiện theo cách thức kết hợp chấm điểm kiểm tra đánh giá quá trình học và kiểm tra kết thúc từng môn học, mô - đun. Điểm môn học, mô - đun bao gồm điểm kiểm tra đánh giá quá trình học (bao gồm điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên và điểm kiểm tra đánh giá định kỳ) và điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô - đun.

Điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số.

**5. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo**

5.1. Hướng dẫn sử dụng các môn học, mô - đun; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô - đun

………

5.2. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô - đun, xét công nhận tốt nghiệp

*5.2.1. Kiểm tra kết thúc môn học/mô đun*

Người học được dự kiểm tra kết thúc mô - đun khi có đủ điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô - đun được quy định trong đề cương chi tiết của mô - đun.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên.

Hình thức kiểm tra, thời gian làm bài kiểm tra kết thúc môn học, mô - đun được quy định trong đề cương chi tiết của môn học, mô - đun.

*5.2.2. Xét công nhận tốt nghiệp*

Người học trình độ sơ cấp được công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản đề nghị công nhận tốt nghiệp đối với người học của Hội đồng, Hiệu trưởng xem xét ra quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố công khai tới người học và trong cơ sở đào tạo.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2021*

**HIỆU TR­ƯỞNG**